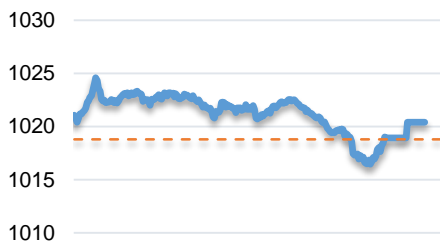


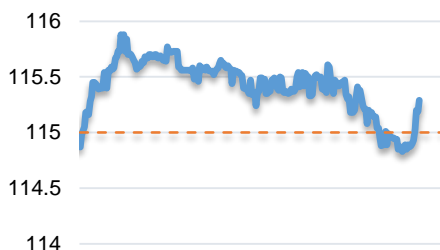
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	1,020.40	115.29	54.41
% ngày	0.16	0.26	0.36
% tuần	1.07	(0.25)	0.67
% tháng	3.12	2.22	4.91
% năm	27.87	8.23	0.94
GTGD (Tỷ đồng)			
Trong ngày	4,865	866	430
Hôm qua	4,944	802	505
TB 1 tháng	4,023	650	338
Khối ngoại (Tỷ đồng)			
Mua	419.28	7.78	40.32
Bán	462.11	20.47	23.10
Giá trị ròng	(42.83)	(12.69)	17.22
Độ rộng TT			
Mã Tăng	135	66	69
Mã Giảm	129	89	72
Không Đổi	89	229	593
Chỉ số chính			
P/E	18.4x	10.7x	7.2x
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,260	206	1,027
LS Cổ tức	2.06	2.21	4.38

Nguồn: Bloomberg – Yuanta Retail Research

VNINDEX



HNX INDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường Châu Á trong phiên không mấy tích cực khi đa số các thị trường đều giảm điểm, Việt Nam cùng Singapore là một trong số ít những thị trường mà chỉ số vẫn còn giữ được sắc xanh vào cuối phiên. Vào cuối phiên, lực bán tăng mạnh khiến cho chỉ số rung lắc quanh mốc tham chiếu tuy nhiên dòng tiền vẫn quay lại thị trường trong phiên ATC.

Kết thúc phiên giao dịch, chỉ số VN-Index tăng 0.16% lên 1,020.4 điểm với tổng lượng giá trị giao dịch khoảng gần 4,000 tỷ trong phiên khá thấp so với những phiên gần đây. HNX-Index tăng 0.26% lên 115.29 điểm. Toàn thị trường giao dịch quanh mức 5,000 tỷ đồng.

Đối với những cổ phiếu Bluechips lớn như VIC, VRE, GAS... đều tăng điểm tác động tích cực vào đà tăng của chỉ số. Ở chiều ngược lại, VHM giảm tương đối mạnh là tác nhân chính kìm hãm đà tăng của VN-Index. Dòng ngân hàng ACB, BID, CTG, EIB, MBB, HDB, TCB... cùng với các cổ phiếu như VRE, PNJ, MWG, SAB, BHN, FPT đồng loạt tăng điểm và đóng vai trò nâng đỡ thị trường. Ngoài ra còn nhóm dầu khí mặc dù chịu áp lực bán mạnh tuy nhiên vẫn tăng trở lại vào cuối phiên. Các cổ phiếu bất động sản, xây dựng, chứng khoán giao dịch có sự phân hóa mạnh nhưng vẫn xuất hiện nhiều cổ phiếu tăng điểm.

Sau phiên 02/10/2018, giá trị giao dịch khối ngoại tăng đột biến thì hôm nay có lượng bán ròng nhẹ trên toàn thị trường khoảng 38 tỷ đồng trên cả ba sàn. Những mã bị bán ròng nhẹ tập trung tại những trên sàn HSX như MSN, PVD, DXG, VJC, VHM. Bên cạnh đó thì có những mã được mua ròng trở lại như STB, BMP, HPG, KDC và cổ phiếu VEA trên sàn Upcom.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi cho rằng thị trường có dấu hiệu bước vào giai đoạn tích lũy và áp lực điều chỉnh vẫn còn rất lớn. Đồng thời, dòng tiền đang có dấu hiệu suy yếu và rủi ro ngắn hạn đang có chiều hướng tăng dần cho nên chúng tôi vẫn đánh giá các chỉ số chưa thể vượt được đường trung bình 200 ngày và thị trường sẽ có sự phân hóa trong ngắn hạn. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục giảm cho thấy nhà đầu tư vẫn đang tiếp tục thận trọng với xu hướng hiện tại.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số với mức cắt lỗ ở mức 1,000.11 điểm của chỉ số VN-Index và 113.87 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn chưa nên mở vị thế mua mới ở thời điểm hiện tại và có thể tiến hành cơ cấu lại danh mục về tỷ trọng khuyến nghị.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 71% cổ phiếu/29% tiền mặt.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	GIẢM	1,000	1,044	955	890
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	TĂNG	120.5	126.5	110.5	103.5



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	17.10	GIẢM	GIẢM		17.89				19.57		
ACB	33.50	TĂNG	GIẢM	30.96	33.02	8.20%			36.35		
ACV	85.80	GIẢM	GIẢM		89.68				93.16		
ANV	23.80	TĂNG	TĂNG	18.90	20.92	25.93%		21.45	16.87	10.96%	
ASM	12.50	TĂNG	GIẢM	13.30	12.42	-6.02%			14.14		
BFC	27.50	GIẢM	GIẢM		27.90				28.92		
BHN	92.70	TĂNG	GIẢM	83.60	84.83	10.89%			101.13		
BID	36.65	TĂNG	TĂNG	25.80	33.33	42.05%		33.40	28.47	9.73%	
BMP	68.50	TĂNG	TĂNG	56.20	60.97	21.89%		63.50	62.30	7.87%	MUA
BSR	20.20	TĂNG	TĂNG	18.10	19.20	11.60%		20.00	19.99	1.00%	MUA
BVH	96.00	TĂNG	TĂNG	95.70	92.25	0.31%		86.00	79.57	11.63%	
BWE	20.35	TĂNG	TĂNG	17.70	18.97	14.97%		20.00	19.20	1.75%	MUA
CEO	13.60	TĂNG	GIẢM	13.40	13.33	1.49%			14.91		
CHP	22.60	GIẢM	TĂNG		22.90			23.50	22.03	-3.83%	
CSM	16.25	TĂNG	TĂNG	14.25	14.38	14.04%		14.39	12.77	12.92%	
CTD	163.50	TĂNG	TĂNG	149.50	162.27	9.36%		161.20	142.39	1.43%	
CTG	27.50	TĂNG	TĂNG	24.00	26.63	14.58%		28.10	22.62	-2.14%	
CTI	25.50	GIẢM	GIẢM		27.21				30.15		
CVT	27.80	TĂNG	GIẢM	27.05	26.91	2.77%			29.20		
DCM	11.30	TĂNG	TĂNG	10.16	10.63	11.20%		11.00	10.69	2.73%	MUA
DGW	27.00	TĂNG	TĂNG	23.90	26.01	12.97%		27.50	22.65	-1.82%	
DHA	28.80	TĂNG	TĂNG	28.20	28.47	2.13%		29.10	28.49	-1.03%	MUA
DHC	41.00	GIẢM	TĂNG		44.76			44.60	37.07	-8.07%	
DHG	97.00	TĂNG	GIẢM	95.30	96.74	1.78%			104.17		
DPG	50.70	TĂNG	TĂNG	40.90	49.96	23.96%		52.00	42.03	-2.50%	
DPM	19.20	TĂNG	TĂNG	18.10	18.82	6.08%		19.40	18.72	-1.03%	MUA
DPR	38.20	TĂNG	GIẢM	37.50	37.30	1.87%			38.96		
DQC	29.50	TĂNG	GIẢM	29.55	27.96	-0.17%			30.33		
DRC	27.20	TĂNG	TĂNG	25.85	26.53	5.22%		24.30	23.82	11.93%	
DXG	28.10	GIẢM	TĂNG		30.03			29.80	23.61	-5.70%	
ELC	9.00	GIẢM	GIẢM	9.65	9.04	-6.34%			10.45		
FCN	16.60	TĂNG	TĂNG	16.45	16.09	0.91%		17.70	14.10	-6.21%	
FIT	4.10	GIẢM	GIẢM		4.35				4.98		
FMC	28.20	TĂNG	TĂNG	21.20	26.34	33.02%		24.70	23.18	14.17%	
FPT	45.50	TĂNG	TĂNG	44.55	44.96	2.13%		45.90	40.10	-0.87%	
GAS	122.70	TĂNG	TĂNG	101.50	115.19	20.89%		103.00	92.87	19.13%	
GEX	28.45	GIẢM	TĂNG		29.11			30.10	25.97	-5.48%	
GIL	37.70	GIẢM	TĂNG		39.78			34.90	34.81	8.02%	

We Create Fortune

GMD	26.60	TĂNG	TĂNG	25.40	26.16	4.72%		27.30	22.87	-2.56%	
GTN	12.20	TĂNG	TĂNG	11.25	11.32	8.44%		11.20	9.83	8.93%	
HAG	5.97	GIẢM	TĂNG		6.42			6.19	5.86	-3.55%	
HAX	18.60	TĂNG	TĂNG	16.40	17.82	13.41%		18.50	18.40	0.54%	MUA
HBC	24.35	TĂNG	GIẢM	23.80	23.89	2.31%			26.74		
HDB	39.45	TĂNG	GIẢM	38.20	38.08	3.27%			42.32		
HNG	16.85	GIẢM	TĂNG		17.21			8.20	14.25	105.49%	
HPG	41.30	TĂNG	GIẢM	37.20	41.01	11.02%			42.50		
HSG	12.50	TĂNG	GIẢM	11.35	11.89	10.13%			13.04		
HT1	15.65	TĂNG	TĂNG	11.75	14.56	33.19%		13.00	12.02	20.38%	
HUT	6.00	TĂNG	GIẢM	5.80	5.58	3.45%			6.47		
HVN	39.40	TĂNG	TĂNG	41.30	39.33	-4.60%		39.20	31.92	0.51%	
ITD	12.95	TĂNG	TĂNG	12.90	12.42	0.39%		12.40	11.14	4.44%	
KBC	13.00	TĂNG	GIẢM	12.40	12.44	4.84%			13.24		
KDH	34.10	TĂNG	TĂNG	30.30	32.91	12.54%		33.40	28.27	2.10%	
KSB	35.40	TĂNG	TĂNG	33.00	32.56	7.27%		34.20	33.01	3.51%	MUA
LCG	9.39	TĂNG	TĂNG	9.46	9.05	-0.74%		9.39	8.35	0.00%	
LDG	17.50	TĂNG	TĂNG	15.00	16.55	16.67%		16.50	12.14	6.06%	
LIX	49.50	TĂNG	TĂNG	41.20	47.00	20.15%		44.40	43.61	11.49%	
LPB	10.50	TĂNG	GIẢM	9.50	10.01	10.53%			10.88		
LSS	7.60	TĂNG	GIẢM	7.22	6.84	5.26%			7.75		
MSN	93.20	GIẢM	TĂNG		94.90			90.60	81.25	2.87%	
MWG	128.10	TĂNG	TĂNG	122.00	123.83	5.00%		121.00	107.68	5.87%	
NKG	15.25	TĂNG	GIẢM	13.70	14.40	11.31%			15.54		
NLG	31.80	TĂNG	TĂNG	31.75	31.26	0.16%		32.40	27.54	-1.85%	
NT2	26.10	TĂNG	GIẢM	25.74	25.61	1.41%			27.15		
NTL	9.88	TĂNG	TĂNG	10.35	9.72	-4.54%		10.45	8.94	-5.45%	
NTP	50.00	TĂNG	TĂNG	51.50	48.18	-2.91%		51.50	41.38	-2.91%	
PAC	47.70	TĂNG	TĂNG	40.20	44.16	18.66%		44.10	38.28	8.16%	
PC1	27.00	GIẢM	GIẢM	26.15	27.07	3.52%	BÁN	28.50	28.42	-0.27%	MUA
PDR	27.35	TĂNG	GIẢM	26.50	26.31	3.21%			28.77		
PGC	14.80	TĂNG	GIẢM	14.35	14.36	3.14%			15.41		
PHR	26.80	TĂNG	TĂNG	21.90	25.87	22.37%		24.00	22.85	11.67%	
PLX	70.70	TĂNG	TĂNG	60.50	70.08	16.86%		68.00	61.09	3.97%	
PNJ	107.80	TĂNG	TĂNG	103.50	100.96	4.15%		103.90	86.95	3.75%	
POW	16.60	TĂNG	TĂNG	13.00	15.70	27.69%		14.10	13.30	17.73%	
PPC	20.20	TĂNG	TĂNG	18.50	19.38	9.19%		20.10	19.21	0.50%	MUA
PTB	62.20	TĂNG	TĂNG	62.40	59.86	-0.32%		64.00	53.16	-2.81%	
PVD	21.00	TĂNG	TĂNG	15.75	19.69	33.33%		16.35	13.84	28.44%	
PVI	34.00	TĂNG	TĂNG	29.90	32.25	13.71%		33.00	28.37	3.03%	
PVS	24.20	TĂNG	TĂNG	17.00	22.35	42.35%		20.90	18.30	15.79%	
PXS	6.89	TĂNG	TĂNG	6.17	6.53	11.67%		6.19	5.11	11.31%	
RAL	102.00	TĂNG	TĂNG	91.00	95.77	12.09%		103.60	80.99	-1.54%	



We Create Fortune

REE	36.50	TĂNG	TĂNG	36.70	35.62	-0.54%		36.40	31.68	0.27%	
SAB	225.70	TĂNG	GIẢM	208.00	216.48	8.51%			233.02		
SAM	7.75	GIẢM	TĂNG		8.10			7.75	7.06	0.00%	
SBV	25.50	TĂNG	GIẢM	26.20	23.70	-2.67%			26.95		
SCR	9.49	TĂNG	GIẢM	9.47	9.34	0.21%			10.30		
SHI	6.25	TĂNG	TĂNG	6.27	6.15	-0.32%		6.99	5.88	-10.59%	
SJS	19.15	GIẢM	GIẢM		20.12				21.87		
SKG	24.50	TĂNG	TĂNG	23.70	23.55	3.38%		23.10	21.13	6.06%	
SSI	33.35	TĂNG	GIẢM	29.55	32.34	12.86%			34.19		
STB	13.85	TĂNG	TĂNG	11.20	13.24	23.66%		13.50	12.71	2.59%	MUA
SVC	44.80	TĂNG	GIẢM	44.90	41.02	-0.22%			47.58		
TCB	29.35	TĂNG	GIẢM	26.60	27.87	10.34%			N/A		
TCM	29.00	TĂNG	TĂNG	17.80	27.92	62.92%		21.60	24.40	34.26%	
TDH	12.55	TĂNG	GIẢM	11.75	11.53	6.81%			12.71		
TLH	7.75	TĂNG	GIẢM	7.49	7.46	3.47%			7.98		
TMT	11.55	TĂNG	TĂNG	9.84	9.31	17.38%		9.29	7.09	24.33%	
TNG	17.00	TĂNG	TĂNG	10.80	16.52	57.41%		12.00	12.47	41.67%	
TYA	10.40	GIẢM	GIẢM		10.68				11.81		
VCB	63.00	GIẢM	TĂNG		65.00			64.60	55.41	-2.48%	
VFG	35.90	GIẢM	TĂNG		37.11			34.39	32.56	4.38%	
VGC	18.40	GIẢM	GIẢM		19.64				21.13		
VHM	102.00	TĂNG	N/A	106.00	101.61	-3.77%					
VIB	29.20	TĂNG	GIẢM	27.90	28.43	4.66%			N/A		
VIC	102.20	TĂNG	TĂNG	102.00	97.12	0.20%		111.50	92.44	-8.34%	
VIP	6.95	TĂNG	GIẢM	7.12	6.80	-2.39%			7.29		
VJC	144.80	GIẢM	TĂNG		151.94			156.00	130.21	-7.18%	
VNM	136.90	TĂNG	GIẢM	132.00	133.82	3.71%			139.87		
VPB	26.10	TĂNG	GIẢM	25.80	25.67	1.16%			30.02		
VRC	24.00	TĂNG	TĂNG	17.75	23.62	35.21%		19.35	19.68	24.03%	
VRE	41.50	TĂNG	GIẢM	39.50	39.45	5.06%			43.79		
VSC	42.50	TĂNG	TĂNG	42.90	40.94	-0.93%		35.30	35.98	20.40%	
VSH	17.50	GIẢM	TĂNG		17.61			17.40	16.64	0.57%	



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	1,020.40	0.16
VN30	990.60	0.28
VN Mid	1,069.64	0.36
VN Small	861.74	0.33

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	115.29	0.26
HN30	215.66	0.68
VNX AllSh	1,430.38	0.21

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	54.41	0.36

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	419.28	
Bán	462.11	
GT ròng	(42.83)	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	7.78	
Bán	20.47	
GT ròng	(12.69)	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	40.32	
Bán	23.10	
GT ròng	17.22	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HVG	510	7.00%
TDH	800	6.81%
LSS	400	5.56%
BWE	850	4.36%
DRH	600	4.03%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
DGC	1800	4.07%
AMV	900	2.94%
VCS	2300	2.38%
VCG	300	1.60%
SHB	100	1.12%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
GVR	1500	16.85%
MPC	1500	3.05%
QNS	1100	2.78%
DVN	300	1.69%
GEG	200	1.48%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SJF	-1,100	-5.09%
KDC	-900	-3.17%
PAN	-1,600	-2.87%
PC1	-700	-2.53%
GTN	-300	-2.40%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
PVB	-400	-1.67%
HUT	-100	-1.64%
DBC	-300	-0.98%
TV2	-100	-0.07%
VGC	0	0.00%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HVN	-500	-1.25%
VIB	-300	-1.02%
LPB	-100	-0.94%
BSR	-100	-0.49%
ACV	-200	-0.23%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	326,184	
VHM	273,320	
VNM	238,401	
GAS	234,842	
VCB	226,659	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	41,780	
VCS	15,808	
SHB	10,828	
PVS	10,810	
VCG	8,393	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	186,798	
BSR	62,630	
MCH	55,199	
HVN	49,240	
GVR	41,600	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
STB	16.35	7.94
HSG	6.78	4.70
PVD	5.19	3.84
HPG	4.99	6.11
FLC	4.53	9.49

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
SHB	7.58	9.15
PVS	4.20	6.33
HUT	2.63	2.31
ACB	1.95	4.39
VGC	1.87	2.17

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
BSR	4.54	3.20
ART	3.58	#VALUE!
POW	1.71	2.45
LPB	1.33	1.75
QNS	0.90	0.15

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

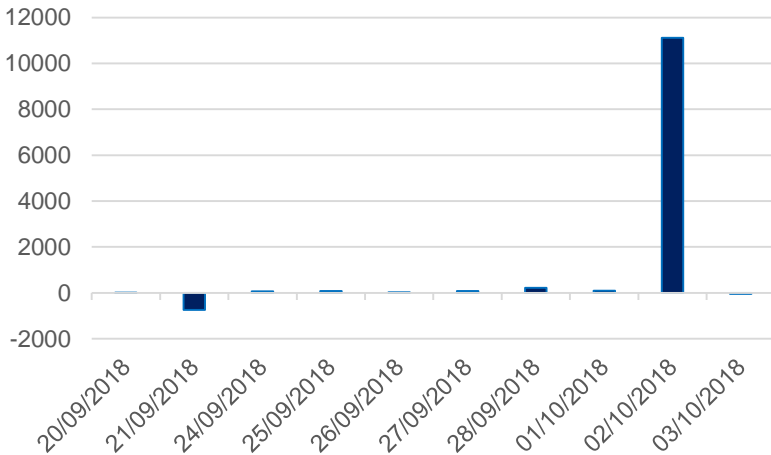
Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research



We Create Fortune

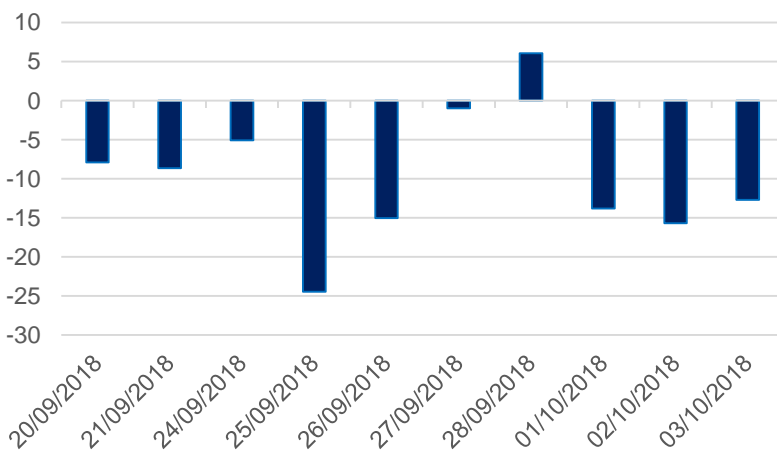
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VNĐ)
STB	34,665	MSN	(30,981)
BMP	19,297	PVD	(24,870)
HPG	15,689	DXG	(23,750)
KDC	11,506	VJC	(18,207)
KBC	10,773	VHM	(16,740)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

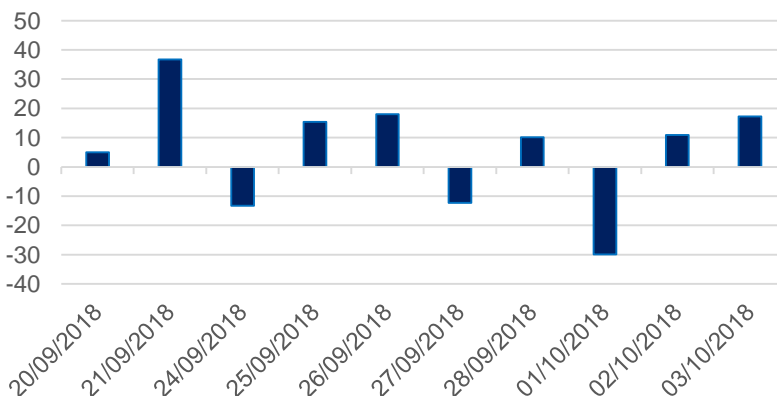
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VNĐ)
CEO	1,187	VGC	(11,486)
SHB	1,169	ACB	(2,150)
ART	727	PVB	(1,423)
HUT	722	CSC	(1,382)
DHT	193	PGT	(598)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại Upcom



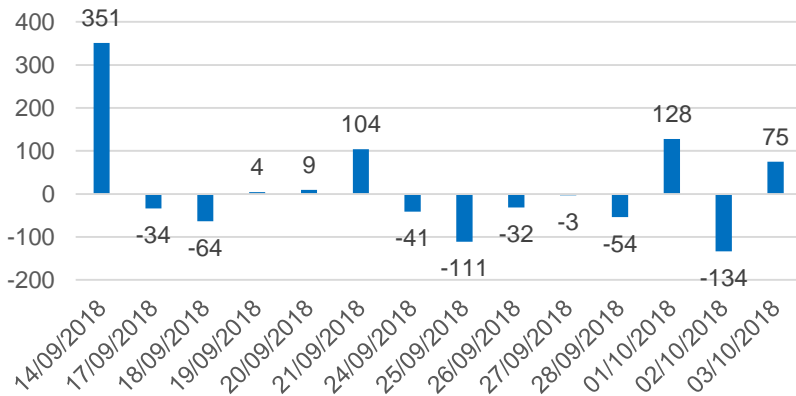
Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VNĐ)
VEA	12,377	VGT	(1,163)
POW	3,876	BSR	(868)
QNS	1,238	SDI	(329)
GEG	646	MNB	(320)
LTG	585	CTR	(226)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)

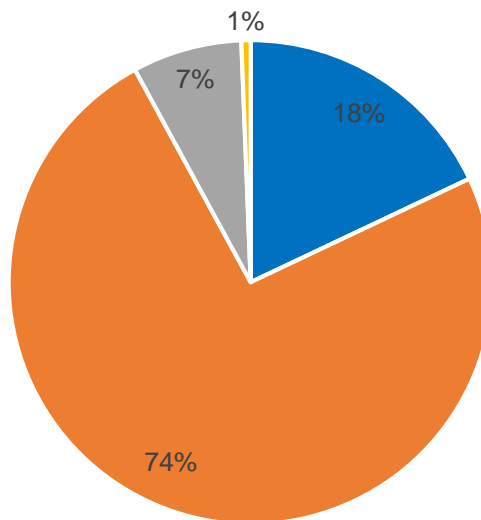


Mã CK	Giá trị đặt mua (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị đặt bán (triệu VNĐ)
ROS	38,081	NVL	33,352
NVL	35,538	HPG	15,747
HPG	27,634	SSI	8,658
VIC	27,456	VIC	8,637
MWG	17,099	E1VFN30	6,870

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Cơ cấu nhà đầu tư trên sàn HSX



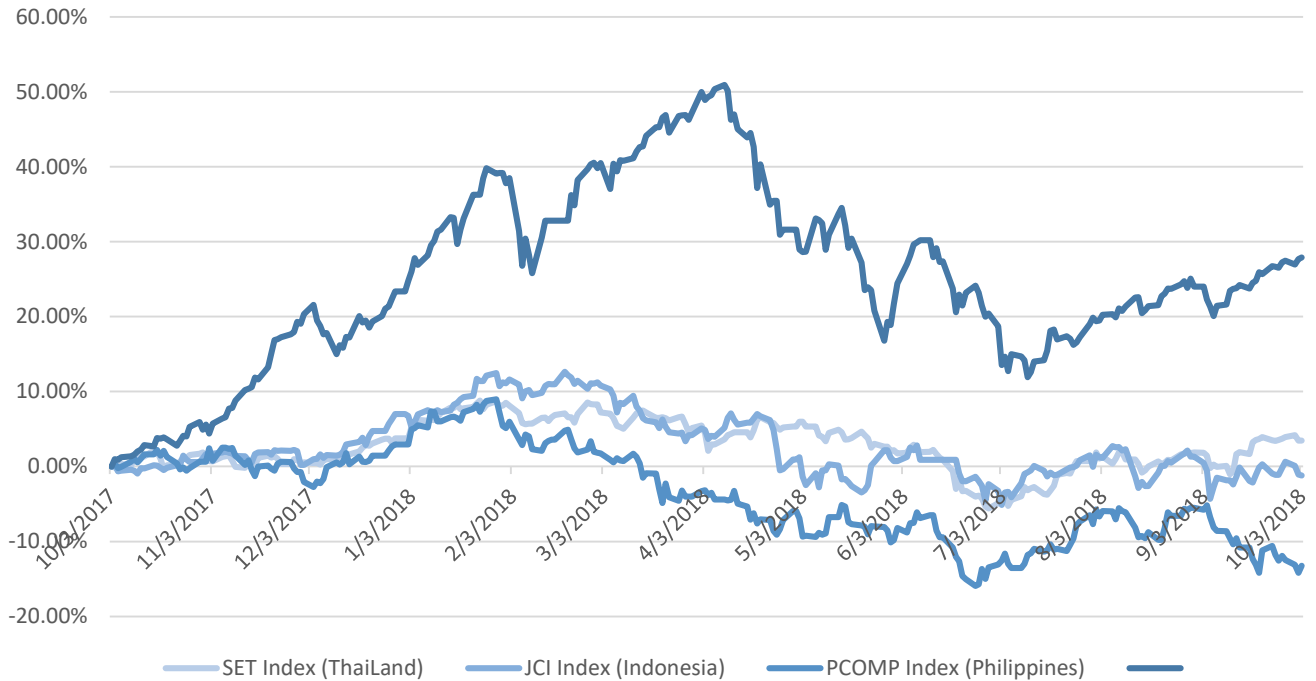
- Tổ chức nước ngoài
- Cá nhân trong nước
- Tổ chức trong nước
- Cá nhân nước ngoài

Nguồn: FiinPro – Yuanta Retail Research



We Create Fortune

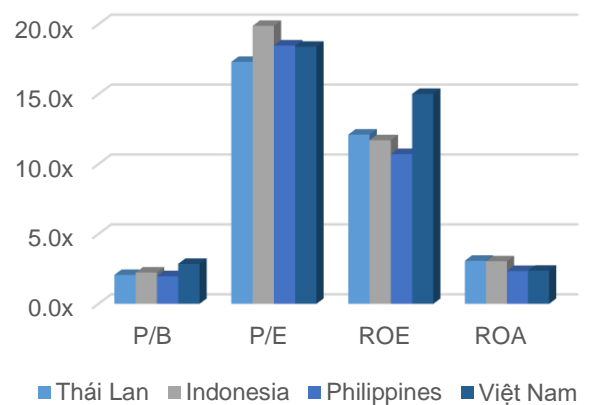
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		2.1x	2.2x	2.0x	2.9x
P/E		17.3x	19.9x	18.5x	18.4x
ROE	%	12.11	11.71	10.72	15.02
ROA	%	3.09	3.05	2.36	2.37
Vốn hóa	Tỷ USD	545.18	440.93	165.44	139.69
GTGD	Triệu USD	1.79	0.43	0.07	0.21
LS cổ tức	%	2.88	2.31	1.64	2.06

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research



■ Thái Lan ■ Indonesia ■ Philippines ■ Việt Nam



We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

Giám đốc trung tâm kinh doanh

Nam Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written